

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 732/BQL-DDHDA2 ngày 19/6/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố ngày 20/6/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT ngày 12 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang” tại địa chỉ: Số 110, đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 110, đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về chủ trương đầu tư Dự án Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Dự án Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung một số nội dung của Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Dự án Trường THCS Nguyễn Trường

Tô, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh Dự án Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.4. Mã số thuế: 1700712237.

1.5. Loại hình: Công trình dân dụng (Trường học).

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: dự án được triển khai thực hiện tại Số 110, đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô dự án: theo Luật đầu tư công thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C với tổng mức vốn đầu tư là 29.968.000.000 đồng. Tổng diện tích dự án là 15.360,77m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường:

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến ngày 13 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./ *Cham*

Nơi nhận:

- CT và các PCT thành phố;
- BQLDAĐTXD DD&CN tỉnh Kiên Giang;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường TP;
- Công thông tin điện tử TPRG;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Trung Thực

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 13/7/2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt của học sinh, giáo viên – công nhân viên khi đi dạy, đi học tại trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực đường Mai Thị Hồng Hạnh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dự án “Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang” tại địa chỉ: Số 110, đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiều 3°) như sau: X: 1100026; Y: 568332.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $35\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, $1,46\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy thoát ra điểm đầu nối vào nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt- QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số $K=1$ cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	mg/L	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000

5	Sunfua (Tính theo H_2S)	mg/L	4.0
6	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO_3^-)(tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động. thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	mg/L	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh tại dự án sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1, sẽ theo động lực của bơm áp lực dẫn về lưu chứa vào bể chứa sau xử lý rồi theo đường ống bơm có áp D90 xả cường bức vào hố ra đầu nổi thoát nước thải sau xử lý của dự án thoát ra bên ngoài và xả vào nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể Bể lắng đứng → Bể Thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Oxic → Bể lắng ly tâm → Bể chứa nước trong → Bồn lọc áp lực → Bể tiếp xúc → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố bị ngưng hoạt động

- Nước thải sau xử lý trong quá trình vận hành thử nghiệm chưa đạt yêu cầu.
- Sự cố tai nạn lao động khi sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp xử lý

- Khi gặp sự cố cần báo ngay cho đơn vị lắp đặt để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố. Nếu cần thời gian dài để xử lý, đơn vị lắp đặt hệ thống phải có biện pháp xử lý tạm trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Không được bơm nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Bố trí nhân viên kiểm tra thường xuyên đảm bảo hệ thống xử lý nước thải phải luôn vận hành liên tục để không xảy ra hiện tượng chết vi sinh do thiếu oxy. Thực hiện quan trắc, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải theo đúng kế hoạch.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

ST T	Hạng mục công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
1	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
	Hệ thống xử lý nước thải	Ngay khi nghiệm thu hoàn thành các hạng mục dự án và đưa dự án vào vận hành thử nghiệm có phát sinh nước thải phải xử lý	Sau 3 ÷ 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	35m ³ /ngày.đêm (đạt 100%)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tọa độ vị trí xả nước thải: hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰30', vĩ độ 3⁰) như sau: X: 1100026; Y: 568332. (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: (theo nội dung được cấp phép tại Bảng giá trị 2.3.3 Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần (03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Thực hiện chương trình giám sát chất lượng nước thải định kỳ theo quy định.

Phụ lục 6

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 13/7/2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động: Ước tính khoảng 380kg/năm. Bao gồm: Dầu mỡ thải, hộp mực in, pin, bóng đèn thải, chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại, chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại... phát sinh từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của trụ sở và hoạt động của trường học.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là 2.548 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu chứa phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 15m².

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý xử lý chất thải này theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 362 thùng bỏ rác nắp kín: loại dung tích 15 lít đặt tại các phòng học, phòng chức năng của trường; Bố trí 46 thùng rác lưu động dung tích 120 lít để tập kết lưu chứa rác tại kho. Thường xuyên tuyên truyền và nhắc nhở cán bộ, công chức, nhân viên thực hiện phân loại rác tại nguồn và bỏ rác đúng nơi quy định.

Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom và xử lý chất thải sinh

hoạt đúng theo quy định. Tuần suất thu gom là 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.
- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.